

Số: /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1682/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tây Ninh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy Tây Ninh tại Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2573/TTr-STC ngày 25 tháng 02 năm 2026 về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền của tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích tự nhiên là 8.536,44 km² được xác định theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Tháp, Đồng Nai và Vương quốc Campuchia.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển tỉnh Tây Ninh phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các chiến lược quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ I. Chủ động nắm bắt các cơ hội, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt và lợi thế nổi trội của tỉnh để phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

- Kiên định quan điểm lấy con người làm trung tâm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Tây Ninh làm mục tiêu cao nhất; phát huy tối đa nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút, trọng dụng nhân tài. Xây dựng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sức mạnh nội sinh quan trọng. Chủ động nắm bắt thời cơ của Cách mạng công nghiệp 4.0; tích cực tham gia chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực, phương thức phát triển mới; xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính. Xây dựng chính quyền kiến tạo, liêm chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh để huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội, khẳng định rõ vai trò kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế của tỉnh.

- Tăng cường liên kết Tây Ninh với các vùng và quốc gia, tích cực khai

thác hiệu quả lợi thế liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long, vị thế cửa ngõ giao thương quốc tế với Campuchia, tiểu vùng sông Mê Kông và khu vực Đông Nam Á. Không gian phát triển được tổ chức hiệu quả, thống nhất, gắn liền với sự hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp; chú trọng khai thác không gian mới do hợp nhất tỉnh; quản lý, khai thác hiệu quả không gian số. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm theo các trục động lực, hành lang kinh tế, hình thành các cực tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế tỉnh phát triển nhanh, bền vững; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển của các địa bàn khó khăn.

- Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và khoáng sản; đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi xanh.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, chú trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh biên giới, chủ động phòng ngừa và xử lý hiệu quả từ sớm, từ xa các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, an ninh dữ liệu. Phát huy sức mạnh của Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hợp tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Tây Ninh phấn đấu trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ phát triển, hội nhập sâu vào chuỗi giá trị và mạng lưới kinh tế khu vực Đông Nam Á; có nền công nghiệp hiện đại, thông minh, sinh thái; ngành du lịch, thương mại phát triển mạnh; ngành nông nghiệp hiện đại, thông minh và bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và nguồn nguyên liệu chất lượng cao cho chế biến, xuất khẩu; là cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Thiết lập hệ thống quản trị công hiệu quả, môi trường đầu tư kinh doanh thân thiện, có sức hấp dẫn cao. Xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn và văn minh; môi trường sống trong lành, bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân Tây Ninh được nâng cao ngang tầm với các địa phương đứng đầu cả nước.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2030, Tây Ninh là tỉnh phát triển năng động, xanh và bền vững; trở thành nơi đáng đến và đáng sống ở phía Nam. Nền kinh tế phát

triển mạnh mẽ; là trung tâm kết nối chiến lược giữa vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối giao thương chiến lược với Campuchia. Chính quyền kiến tạo phát triển, năng động, sáng tạo. Hạ tầng kỹ thuật, xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân phát triển toàn diện; các chỉ số phát triển con người đều nằm trong nhóm cao của cả nước; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng chủ động với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc trong mọi tình huống. Người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh và hạnh phúc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- *Về kinh tế:*

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10 - 10,5%/năm. Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8 - 9%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng năm 2030 trên 55%.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực nông - lâm - thủy sản khoảng 13 - 14%; khu vực công nghiệp - xây dựng có tỷ trọng khoảng 55 - 56%; khu vực dịch vụ khoảng 26 - 27%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) khoảng 4 - 5%.

+ Quy mô kinh tế số đến năm 2030 đạt 30% GRDP.

+ GRDP bình quân đầu người đạt từ 8.000 - 8.500 USD (tương đương 210 - 225 triệu đồng). Thu nhập bình quân đầu người đạt 94 triệu đồng.

+ Thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 tăng 50% so với giai đoạn 2021 - 2025. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 đạt 34 - 35%.

- *Về xã hội:*

+ Phấn đấu chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 khoảng 0,78.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%. Phấn đấu ít nhất 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

+ Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Có 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 5% lực lượng lao động.

+ Số bác sĩ/vận dân đạt 12 bác sĩ. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi dưới 16%.

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 80%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% với tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

+ Không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo Trung ương giai đoạn 2026 - 2030).

- *Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:*

+ Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 10%.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị đạt 100% và nông thôn đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%; có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; bảo đảm 100% nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tương đương với chất lượng nước thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị - nông thôn:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 45% trở lên. Phát triển dự án đầu tư phát triển đô thị, khu đô thị, dân cư, nhà ở xã hội theo mục tiêu, chương trình phát triển đô thị và nhà ở; quy hoạch đô thị và nông thôn; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội; Phát triển nhà ở gắn với quá trình phát triển mở rộng đô thị; cải tạo chỉnh trang và tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu để nâng cao điều kiện, chất lượng sống của người dân. Tổng diện tích sàn nhà ở đạt khoảng 236 triệu m² sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh 33 m² sàn/người; phân đầu diện tích sàn nhà ở xã hội đạt khoảng 5,4 triệu m² sàn với khoảng 90.000 căn hộ.

+ Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở đô thị là 85%, ở nông thôn là 80%.

+ Hoàn thiện khung giao thông của tỉnh; hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia, vùng và tỉnh trên địa bàn đặc biệt là tuyến đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, đường kết nối hành lang công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Xuyên Á, đường Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - Đồng Tháp, các tuyến đường cao tốc. Nghiên cứu nối dài tuyến đường sắt đô thị từ Thành phố Hồ Chí Minh tới Tây Ninh.

- Về quốc phòng, an ninh: Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; hình thành và phát triển vành đai biên giới gắn với giữ vững chủ quyền quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn, an dân, thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Phát huy hiệu quả hợp nhất tỉnh, hoàn thiện bộ máy chính quyền hai cấp tinh gọn hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phối hợp liên thông giữa các ngành, các cấp, đảm bảo sự đồng thuận, thống nhất trong kiến tạo phát triển tỉnh Tây Ninh. Chú trọng công tác cán bộ, bảo đảm sắp xếp, bố trí nhân sự dựa trên năng lực, công khai, minh bạch, chất lượng, hiệu quả công việc.

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và chuyển đổi xanh gắn với đổi mới mô

hình phát triển mới dựa trên nền tảng tri thức, công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Triển khai chuyển đổi số đồng bộ, hiệu quả trên ba trụ cột (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số); ưu tiên phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số đi trước một bước. Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, nhất là thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao, tiên tiến và phát thải thấp. Khuyến khích các dự án ít phát thải, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, giảm năng lượng hóa thạch, ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong sản xuất và kinh doanh.

- Bảo đảm phát triển ổn định, hài hòa, bao trùm và bền vững. củng cố khối đoàn kết toàn dân; phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp, tạo nền tảng cho sự ổn định. Tập trung ưu tiên xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, nhất là các cơ chế, chính sách nhằm kịp thời tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường; bảo đảm các dự án đầu tư tuân thủ nghiêm quy định về đánh giá tác động môi trường. Chú trọng an sinh xã hội, đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm cho người dân tại các khu vực chuyên đổi chức năng sử dụng đất; bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, an dân và trật tự an toàn xã hội.

5. Các đột phá

- Tiên phong về cải cách hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và thủ tục hành chính minh bạch, nhanh gọn, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định và cạnh tranh. Phấn đấu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải cách hành chính hàng năm thuộc Nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh. Tạo đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; đẩy mạnh đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân tài, có tinh thần cống hiến vì sự phát triển của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, chuyên gia trong các ngành và lĩnh vực quan trọng của tỉnh Tây Ninh.

- Huy động tối đa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hình thành các không gian phát triển mới, các khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp tập trung gắn với các trục động lực và hành lang kinh tế của tỉnh trên cơ sở tạo đột phá về hạ tầng giao thông. Chủ động quy hoạch và chuẩn bị quỹ đất sạch, tạo mặt bằng sẵn sàng thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, công nghệ cao, hiện đại; phát triển các khu kinh tế, các khu công nghiệp và khu đô thị theo mô hình tích hợp, bảo đảm hệ

thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, đảm bảo nhà ở xã hội và đáp ứng nhu cầu sản xuất, đầu tư, an cư của người dân, nâng cao chất lượng sống, mở ra các không gian phát triển mới.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

a) Các ngành công nghiệp - xây dựng:

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, khả năng thích ứng công nghệ cao, xanh, tuần hoàn và thông minh, đột phá về năng suất và giá trị gia tăng, nâng cao vị thế của tỉnh trong mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị của quốc gia, quốc tế. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, sạch; tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khai thác giá trị văn hóa, ứng dụng công nghệ hiện đại và xây dựng thương hiệu. Tập trung một số ngành chủ yếu:

+ Năng lượng tái tạo: Khai thác các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch; thúc đẩy đưa vào hoạt động các nhà máy LNG, dự án năng lượng tái tạo tại Hồ Dầu Tiếng; phát triển sản xuất thiết bị, lưu trữ, chuyển hóa năng lượng.

+ Chế biến thực phẩm - nông sản: Phát triển dựa trên công nghệ chế biến sâu, công nghệ sinh học, tự động hóa và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

+ Sản xuất vật liệu: Tập trung sản xuất vật liệu kỹ thuật, vật liệu sinh học và vật liệu thân thiện môi trường, phục vụ công nghiệp chế tạo và tiêu dùng xanh.

+ Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển theo chiều sâu vào một số ngành trọng tâm (cơ khí chế tạo, ô tô, điện - điện tử và bán dẫn, dệt may - da giày, vật liệu cơ bản).

+ Công nghiệp môi trường: Phát triển sản xuất cung ứng công nghệ, thiết bị và sản phẩm công nghiệp môi trường, có khả năng tham gia chuỗi cung ứng cả nước, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.

+ Dệt may, da giày: Đẩy mạnh khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu; xây dựng và quảng bá thương hiệu, đưa tỉnh Tây Ninh thành trung tâm đổi mới và sáng tạo trong ngành dệt may, da giày.

- Hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng công nghiệp đồng bộ, gắn với các trục giao thông đối ngoại và liên kết vùng. Khu vực Đông Bắc và Đông Nam giữ vai trò động lực, tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ hiện đại, công nghiệp công nghệ cao; khu vực phía Tây phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b) Các ngành dịch vụ, thương mại:

Phân đầu phát triển trở thành trung tâm dịch vụ tổng hợp, giữ vai trò hạt nhân liên kết trong không gian phát triển dịch vụ kết nối vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh và thương hiệu của khu vực dịch vụ dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình kinh tế chia sẻ, dịch vụ số, nền tảng số; ưu tiên phát triển đồng bộ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics, du lịch và tài chính - ngân hàng, dịch vụ đô thị.

Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, gắn kết với du lịch; đẩy mạnh thương mại điện tử; mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, chú trọng thương mại biên giới. Tập trung đầu tư phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành mũi nhọn của tỉnh, đưa Tây Ninh trở thành trung tâm logistics của vùng Đông Nam Bộ; ưu tiên phát triển dịch vụ logistics hiện đại, thông minh, xanh và hình thành chuỗi dịch vụ logistics đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa nội địa, xuất nhập khẩu và thương mại xuyên biên giới.

Xây dựng Tây Ninh trở thành trọng điểm du lịch bền vững của vùng Đông Nam Bộ; phát triển mạnh du lịch văn hóa - tín ngưỡng - sinh thái trở thành ngành dịch vụ đặc trưng, kết hợp với du lịch nông nghiệp, nghỉ dưỡng và du lịch biên giới. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch hấp dẫn, có chất lượng gắn với phát triển đồng bộ dịch vụ lưu trú, ẩm thực, vui chơi giải trí và mô hình kinh tế đêm đặc sắc, nâng cao trải nghiệm du khách và mở rộng thị trường quốc tế. Phát triển du lịch văn hóa, tín ngưỡng, sinh thái gắn với Núi Bà Đen - Hồ Dầu Tiếng; du lịch sinh thái - lịch sử ở vùng Đồng Tháp Mười, kết nối thống nhất theo trục du lịch Bắc - Nam dọc hành lang sông Vàm Cỏ Đông; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí khu vực giáp Thành phố Hồ Chí Minh.

Mở rộng, đa dạng hóa và hiện đại hóa dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tài chính; hình thành trung tâm tài chính - logistics - thương mại hỗ trợ sản xuất, kết nối hiệu quả với thị trường trong nước và quốc tế.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Đẩy mạnh nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hàng hóa, hiện đại, sinh thái, bền vững, theo chuỗi giá trị nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và cụm liên kết ngành, gắn với công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp sinh học và du lịch nông thôn; tập trung nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và giá trị gia tăng; thúc đẩy dịch vụ nông nghiệp. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh và tuần hoàn, phù hợp điều kiện sinh thái và lợi thế từng tiểu vùng.

Phát triển các vùng trọng điểm lúa chất lượng cao tại khu vực Đồng Tháp Mười; vùng rau màu, cây ăn quả tập trung ở ven sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ

Tây và một số cây ăn quả đặc sản ở vùng đất đỏ bazan và ven gò đồi. Duy trì ổn định vùng cây công nghiệp và cây nguyên liệu như cao su, mía và sắn.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và hiện đại, bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường. Hình thành các vùng, cụm chăn nuôi tập trung, tách biệt khu dân cư, gắn với hệ thống giết mổ và chế biến theo chuỗi khép kín. Phát triển nuôi chim yến tại các vùng sinh thái phù hợp, bảo đảm quản lý chặt chẽ, hiệu quả và bền vững.

Ưu tiên các mô hình nuôi trồng thủy sản thâm canh, quảng canh cải tiến và ứng dụng công nghệ cao, có kiểm soát môi trường. Quản lý khai thác thủy sản phù hợp với trữ lượng nguồn lợi và yêu cầu bảo vệ hệ sinh thái. Phát triển tiểu vùng thủy sản nước lợ khu vực cửa sông; tiểu vùng thủy sản nước ngọt tại Đồng Tháp Mười, Hồ Dầu Tiếng và các vùng nội địa phù hợp.

Ổn định tỷ lệ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái tự nhiên. Tập trung phát triển rừng tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Hồ Dầu Tiếng và các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng khác. Đẩy mạnh phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với các mô hình sinh kế phù hợp; tăng cường tham gia của cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo:

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại, hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đào tạo, ưu tiên vùng khó khăn, biên giới và các khu vực tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học.

Chuyển mạnh quá trình giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể chất và phẩm chất người học, chuẩn hóa chất lượng đầu ra. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Chú trọng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe:

Nâng cao năng lực hệ thống y tế công bằng, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phòng, khám và chữa bệnh của nhân dân; phát triển đồng bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu và phát huy thế mạnh y học cổ truyền; chú trọng y tế và chăm sóc sức khỏe người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc

thiếu số và vùng khó khăn.

Thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng, có ý đức, đáp ứng yêu cầu và công tác lâu dài tại địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển y tế thông minh; mở rộng mô hình khám, chữa bệnh từ xa. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, khuyến khích phát triển y tế tư nhân có chất lượng cao, nhất là tại khu vực tập trung đông dân cư, khu vực phát triển đô thị, khu - cụm công nghiệp.

Xây dựng, triển khai hệ thống cấp cứu ngoại viện; bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ cấp cứu nhanh chóng, kịp thời. Tăng cường hợp tác y tế biên giới, bảo đảm an ninh y tế, kiểm soát dịch bệnh.

Phát huy giá trị y học dân tộc, thúc đẩy xã hội hóa và đầu tư phát triển y học cổ truyền; chú trọng kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi trồng, sản xuất, kinh doanh dược liệu và khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền trên địa bàn.

c) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là động lực quan trọng của tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo bứt phá về năng suất và chất lượng; ưu tiên phát triển gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tập trung ưu tiên đầu tư công nghệ số, công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường tìm kiếm công nghệ mới; đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn và có giá trị ứng dụng cao. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp và các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.

d) Văn hóa, thể thao:

Xây dựng Tây Ninh trở thành một trong những trung tâm văn hóa - thể thao quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, có bản sắc riêng, gắn với du lịch, lễ hội. Giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh; bảo tồn, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số, kinh tế đêm và các ngành công nghiệp liên quan.

Tập trung phát triển không gian văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; thúc đẩy chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa - giải trí - du lịch. Chú trọng văn hóa cơ sở, phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng sâu rộng, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng biên giới và địa bàn tập trung nhiều khu, cụm công nghiệp.

Đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng, chú trọng phát triển thể thao học đường và thể thao thành tích cao. Khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa văn hóa - thể thao, thu hút doanh nghiệp đầu tư tổ hợp văn hóa, thể thao gắn với du

lịch, tổ chức lễ hội, sự kiện quy mô vùng và quốc gia.

đ) An sinh xã hội:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội đối với các đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bình đẳng giới. Bảo đảm đầy đủ, toàn diện chính sách về dân tộc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả đáp ứng nhu cầu trợ giúp cho các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội.

e) Quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh, phòng tuyến hợp tác; giữ vững chủ quyền, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Campuchia. Nắm chắc tình hình, không để xảy ra bị động, bất ngờ; kịp thời phát hiện, xử lý hiệu quả trong mọi tình huống; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh theo mô hình: *03 vùng kinh tế - xã hội, 03 trung tâm, 06 hành lang kinh tế, 03 trục động lực và 01 vành đai biên giới*, bảo đảm phát triển cân bằng, bền vững và tăng cường liên kết, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế:

- Ba vùng kinh tế - xã hội:

+ Vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị hỗ trợ quá trình phát triển mở rộng của Thành phố Hồ Chí Minh, gắn với đường Vành đai 3, Vành đai 4, hành lang Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ.

+ Vùng phát triển kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, gắn với tuyến cao tốc 02, vùng Đồng Tháp Mười và vùng biên giới phía Tây.

+ Vùng phát triển năng lượng tái tạo - năng lượng sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch sinh thái, phát triển theo mô hình kinh tế xanh, bền vững, gắn với khu vực Hồ Dầu Tiếng, Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát và vùng biên giới phía Bắc.

- Ba trung tâm:

+ Trung tâm Tân Ninh - Long Hoa là trung tâm văn hóa, giáo dục, thể thao,

y tế, du lịch, thương mại, dịch vụ mang đậm bản sắc văn hóa cấp khu vực, vùng Đông Nam Bộ.

+ Trung tâm Tân An - Long An là trung tâm thương mại, dịch vụ hiện đại, giá trị gia tăng cao, công nghiệp, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, giáo dục, đào tạo, y tế, đô thị thông minh.

+ Trung tâm Đức Hoà - Hậu Nghĩa là trung tâm động lực mới để phát triển thành Trung tâm hành chính - chính trị mới của tỉnh; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, logistics, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ số tập trung, giáo dục, đào tạo, y tế.

- Sáu hành lang kinh tế:

+ Hành lang kinh tế số 1A: Gắn với tuyến đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, kết nối tới sân bay quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép - Thị Vải.

+ Hành lang kinh tế số 1B: Gắn với tuyến đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng phát triển từ tuyến đường Vành đai 3; phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ, kết nối tới cảng Hiệp Phước, cảng quốc tế Long An.

+ Hành lang kinh tế số 2: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài và cao tốc Gò Dầu - Xa Mát và Quốc lộ 22, Quốc lộ 22B.

+ Hành lang kinh tế số 3A: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đường Hồ Chí Minh đoạn Đức Hòa - Mỹ An (Đồng Tháp), Quốc lộ 1A, kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Hành lang kinh tế số 3B: Gắn với cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh- Sóc Trăng, Quốc lộ 50, Quốc lộ 50B; kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh - vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Hành lang kinh tế số 4: Gắn với đường động lực (bao gồm đường bộ, đường sắt) đi từ Bàu Bàng kết nối đến cửa khẩu Mộc Bài; là một phần của hành lang Xuyên Á - Mộc Bài, kết nối tuyến Cái Mép - Bàu Bàng - Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và khu vực Đông Nam Á.

- Ba trục động lực:

+ Trục động lực số 5A: Gắn với Quốc lộ N1, đường tuần tra biên giới, liên kết Đông - Tây với vùng Đồng Tháp Mười và khu kinh tế cửa khẩu Long An.

+ Trục động lực số 5B: gắn với tuyến đường Tân An - Bình Hiệp, Quốc lộ 62, kết nối khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp với trung tâm phường Long An.

+ Trục động lực số 6: Gắn với tuyến đường mới kết nối 03 trung tâm Tân Ninh - Đức Hòa - Tân An, tạo trục phát triển Bắc - Nam mới, kết nối các đô thị

trung tâm với hệ thống vành đai, cao tốc và các đường tỉnh.

- Một vành đai biên giới: Gắn với tuyến Quốc lộ 14C, đường tuần tra biên giới và liên kết chặt chẽ với tuyến N1; là hành lang hỗ trợ bảo đảm quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội cho vùng biên mậu.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÀ KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm vùng biên giới phía Bắc và phía Tây của tỉnh. Tại đây, tập trung triển khai chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học; khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, du lịch xanh, sinh thái và chú trọng nâng cấp hạ tầng giao thông kết nối tới các khu vực động lực và trọng điểm đô thị.

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bao gồm vùng phát triển nông nghiệp phía Nam Hồ Dầu Tiếng và phía Nam vùng Đồng Tháp Mười. Phát triển các vùng nông nghiệp tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung chương trình hỗ trợ đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững; ưu tiên đầu tư giao thông kết nối, thiết chế văn hóa - cộng đồng, tạo việc làm, cải thiện điều kiện sống của người dân.

2. Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực

Tập trung nguồn lực phát triển các khu vực động lực để thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, gồm:

a) Khu vực động lực công nghiệp xanh, thông minh, hiện đại:

Tập trung phát triển dọc theo Vành đai 3 và Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Xuyên Á (đường bộ và đường sắt) và gắn kết với vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ vùng Đông Nam Bộ và trục động lực Bàu Bàng - Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Phát triển Khu kinh tế chuyên biệt Long An là hạt nhân tăng trưởng mới, gắn với Cảng Quốc tế Long An và các dự án đầu tư chiến lược vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, phát thải thấp, gắn sản xuất với đổi mới sáng tạo và logistics. Rà soát, sắp xếp lại các khu, cụm công nghiệp nhỏ theo hướng tập trung, sinh thái.

b) Khu vực động lực về logistics:

Phát triển trục logistics dọc cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, cao tốc Bến Lức - Long Thành, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, đường Hồ Chí Minh, kết nối hạ tầng cảng quốc tế, các trung tâm kho vận và

hành lang Xuyên Á. Đầu tư các trung tâm logistics theo mô hình đa chức năng, bao gồm logistics - thương mại - dịch vụ - công nghiệp, tích hợp kho bãi, phân phối, phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

c) Khu vực động lực về du lịch văn hóa - tín ngưỡng - sinh thái:

Phát triển trung tâm văn hoá - du lịch, dịch vụ du lịch mang đậm bản sắc văn hóa cấp khu vực, vùng Đông Nam Bộ tại phường Bình Minh, Tân Ninh và Long Hoa, lan tỏa kết nối phường Ninh Thạnh và các xã Dương Minh Châu, Tân Phú, Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, Hồ Dầu Tiếng. Phát triển hành lang du lịch di sản; xây dựng hệ sinh thái đô thị du lịch theo chuỗi giá trị hoàn chỉnh; bảo đảm không gian phát triển tuyến phố đi bộ, không gian công cộng, không gian xanh đô thị, tiếp cận thuận lợi tới các không gian mở và hành lang sinh thái ven sông.

d) Khu vực đô thị động lực:

Phát triển các đô thị, cụm đô thị Tân An, Tân Ninh - Hòa Thành, Đức Hoà - Hậu Nghĩa - Trảng Bàng thành các đô thị động lực, các cực tăng trưởng, đóng góp quan trọng vào phát triển nhanh và bền vững. Định hướng chuỗi đô thị Đức Hoà - Hậu Nghĩa - Trảng Bàng là đô thị vệ tinh, đối trọng để chia sẻ chức năng với khu vực lõi trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, hướng đến hình thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ số tập trung, dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế - chăm sóc sức khỏe.

Hình thành Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh tại khu vực phía Bắc đô thị Đức Hoà - Hậu Nghĩa (theo phương án phát triển hệ thống đô thị), vị trí xây dựng cụ thể sẽ được nghiên cứu, đề xuất trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về không gian phát triển, tính kết nối và đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giao thông của tỉnh và vùng Đông Nam Bộ, đảm bảo vị thế Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh.

V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG, VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, theo hướng thông minh, hiện đại và phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng đô thị, sử dụng hiệu quả đất đai. Hình thành các trọng điểm đô thị bao gồm: Tân Ninh, Hòa Thành, Trảng Bàng, Hậu Nghĩa - Đức Hoà, Bến Lức, Tân An, Cần Giuộc, Cần Đước gắn kết dựa trên các tuyến giao thông liên vùng, kết nối giao thông công cộng tới Thành phố Hồ Chí Minh và trực động lực kết nối các trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh. Đến năm 2030, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh định hướng phân loại như sau:

- 05 đô thị loại II (phạm vi phân loại 14 - 17 đơn vị hành chính cấp xã): Tân An (gồm các phường Tân An, Long An, Khánh Hậu, phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Vĩnh Công); Tân Ninh (gồm các phường Tân Ninh, Bình Minh, Ninh Thạnh); Hòa Thành (gồm các phường Hòa Thành, Long Hoa, Thanh Điền và phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Thạnh Đức); Trảng Bàng (gồm các phường Trảng Bàng, An Tịnh, Gia Lộc, Gò Dầu và phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị cho xã Hưng Thuận) và Kiến Tường, trong đó, phường Kiến Tường là đô thị hiện hữu và 04 đô thị trên là các đô thị mở rộng.

- 04 đô thị mới định hướng phân loại đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (với phạm vi phân loại là 23 đơn vị hành chính cấp xã) bao gồm: Đô thị mới Đức Hòa gồm phường Đức Hòa, Hậu Nghĩa, Hiệp Hòa và lựa chọn các xã Hòa Khánh, Đức Lập, Mỹ Hạnh, An Ninh phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Bến Lức gồm phường Bến Lức và lựa chọn các xã Mỹ Yên, Lương Hòa, Thạnh Lợi, Bình Đức phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Cần Giuộc gồm phường Cần Giuộc và lựa chọn các xã Phước Vĩnh Tây, Phước Lý, Mỹ Lộc, Tân Tập phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị; Đô thị mới Cần Đước gồm Cần Đước, Rạch Kiến và lựa chọn các xã Long Hựu, Long Cang, Mỹ Lệ, Tân Lâm phần đầu đạt trình độ phát triển đô thị.

- 16 đô thị phân loại đạt tiêu chuẩn đô thị loại III: Đông Thành, Đức Huệ; Thủ Thừa; Tân Trụ, Tầm Vu; Vĩnh Hưng; Tân Thạnh; Mộc Hóa; Thạnh Hóa; Tân Hưng; Bến Cầu - Mộc Bài; Dương Minh Châu; Châu Thành; Tân Biên; Tân Châu, Tân Phú và phần đầu đánh giá, phân loại đơn vị hành chính là phường.

- 08 đơn vị hành chính cấp xã phần đầu xác định đạt trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III gồm: Vĩnh Công; Thạnh Đức; Hưng Thuận; Phước Chi, Long Thuận; Tân Phú; Tân Lập và Nhựt Tảo.

Hình thành cấu trúc phát triển đa trung tâm đô thị bao gồm: Trung tâm Tân An với lợi thế về kinh tế, tài chính, dịch vụ logistics, thu hút công nghệ cao, công nghệ số, trung tâm giáo dục, đào tạo, y tế; Trung tâm Tân Ninh - Hòa Thành có chức năng giao thương, văn hóa, du lịch và dịch vụ du lịch mang đậm bản sắc văn hóa cấp khu vực, vùng Đông Nam Bộ; Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, logistics, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ số tập trung, giáo dục, đào tạo, y tế phía Bắc khu vực đô thị Đức Hòa - Hậu Nghĩa.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Phát triển khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội thiết yếu, nâng cao chất lượng sống của người dân, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới và địa bàn

đặc biệt khó khăn; giữ gìn và phát huy bản sắc cộng đồng, gắn với phát triển du lịch.

- Khu vực nông thôn được tổ chức thành 05 vùng, gồm:

+ Vùng biên giới phía Bắc và lân cận (các xã Tân Hòa, Tân Thành, Tân Hội, Tân Đông, Tân Lập, Tân Biên, Thạnh Bình, Phước Vinh, Trà Vong và đô thị Tân Châu): Chủ động khai thác các cơ hội hợp tác với Campuchia trong phát triển nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến; phát triển du lịch lịch sử, về nguồn, tham quan, sinh thái; phát triển kinh tế biên mậu, giữ vững quốc phòng, an ninh.

+ Vùng trung tâm phía Bắc (Tân Phú, Dương Minh Châu kết nối trung tâm phường Bình Minh, Tân Ninh, Ninh Thạnh, Hòa Thành, Long Hoa, Thanh Điền): Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) hoàn thiện, bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát huy thế mạnh, phát triển lan tỏa các loại hình giao thương, văn hóa, du lịch, dịch vụ du lịch bản sắc kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đặc sản với chỉnh trang và phát triển đô thị.

+ Vùng đệm trung tâm (Hưng Thuận, Lộc Ninh, Truong Mít, Phước Trạch, Bến Cầu, Phước Chỉ, An Ninh, Mỹ Quý, Hiệp Hoà, Đông Thành, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Hoà Khánh, Thạnh Lợi, Lương Hòa, Bến Lức, Bình Đức, Mỹ Yên, Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long): Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình dịch vụ, công nghiệp, logistics, công nghệ cao, công nghệ số; nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; duy trì, phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, tham quan theo hình thức du lịch cộng đồng.

+ Vùng Đồng Tháp Mười (Khánh Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Hưng, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng, Tuyên Bình, Vĩnh Châu, Bình Hiệp, Tuyên Thạnh, Hậu Thạnh, Bình Hòa, Mộc Hóa, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh): Phát triển, chỉnh trang hoàn thiện các cụm, tuyến dân cư; Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang và phát triển mới) bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển các làng nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, tham quan, du lịch cộng đồng.

+ Vùng phía Nam (Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Tân Lâm, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tầm Vu, Vàm Cỏ, Mỹ Lệ, Mỹ Lộc, Phước Lý, Tân Trụ, Vĩnh Công): Hình thành các khu đô thị mới tại các đô thị, khu vực phát triển đô thị mới đảm bảo các loại hình dịch vụ phục vụ dân cư, sản xuất; Quy hoạch đô thị và nông thôn hình thành khu đô thị, điểm dân cư nông thôn (chỉnh trang, phát triển mới) hoàn thiện, bảo đảm tiêu chí theo quy định; phát triển các loại hình nông nghiệp,

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các loại hình sản xuất phù hợp; phát triển nghề truyền thống kết hợp du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng.

3. Hệ thống khu chức năng

Phát triển hệ thống các khu chức năng theo hướng tập trung, đúng quy định, bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, hiệu quả. Thu hút đầu tư khu kinh tế và khu, cụm công nghiệp hiện đại, xanh và thông minh; ưu tiên nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu kinh tế và khu, cụm công nghiệp hiện có.

a) Phương án phát triển các khu kinh tế:

Phát huy thế mạnh của Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát, Khu kinh tế cửa khẩu Long An và Khu kinh tế chuyên biệt, nâng cao hiệu quả tổng thể và tạo đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương:

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế; là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực; đầu mối giao thương quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và giữa Việt Nam với Campuchia, khu vực ASEAN.

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Long An trở thành trung tâm động lực phát triển kinh tế - thương mại biên giới phía Tây của vùng Đông Nam Bộ.

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát trở thành khu kinh tế cửa khẩu tổng hợp, đa chức năng, gắn với bảo tồn di sản văn hóa và hệ sinh thái tự nhiên; là đầu mối giao thương quốc tế quan trọng giữa Việt Nam và Campuchia.

- Xây dựng Khu kinh tế chuyên biệt trên địa bàn Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, thu hút công nghiệp theo hướng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, trung tâm logistics khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn, quy định.

b) Phương án phát triển các khu công nghiệp:

Phát triển các khu công nghiệp phân bố theo các hành lang kinh tế và trục động lực gắn với Vành đai 3 và Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, vành đai Bà Rịa - Vũng Tàu - Mộc Bài. Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi số tập trung, chuyển đổi xanh. Phấn đấu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hình thành các khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 46.495 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

c) Phương án phát triển cụm công nghiệp:

Phát triển các cụm công nghiệp theo hướng tổng hợp đa ngành; ưu tiên các cụm công nghiệp chế biến nông sản tại vùng nông nghiệp và biên giới; từng bước di dời các cụm công nghiệp trong khu vực đô thị. Phấn đấu đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2050, hình thành các cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 6.225 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

d) Khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung:

Ưu tiên xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và từng bước hình thành các khu, đô thị công nghệ cao phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển theo Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng. Mục tiêu đến năm 2030 hình thành ít nhất 01 khu công nghiệp công nghệ thông tin hoặc khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung tại địa bàn tiềm năng, điều kiện phát triển, như: Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; các đô thị Trảng Bàng, Tân An, Hậu Nghĩa; Khu đô thị - dịch vụ - công nghiệp Thạnh Đức và các xã: Hưng Thuận, Tân Tập, Thạnh Lợi, Lương Hòa,... khi đáp ứng các điều kiện, quy định.

đ) Khu du lịch:

Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen trở thành khu du lịch đặc sắc, đẳng cấp quốc tế; đảm bảo yêu cầu về môi trường, tăng cường kết nối với các tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng, tối đa hóa hiệu quả khai thác.

Phát triển Khu bảo tồn ngập nước Láng Sen trở thành khu du lịch cấp tỉnh, chú trọng nâng cấp các tuyến giao thông kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đầu tư hạ tầng và hành lang sinh thái kết nối tới Khu du lịch quốc gia tiềm năng Tràm Chim (tỉnh Đồng Tháp).

e) Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng liên kết chuỗi giá trị, gắn với phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, chú trọng vào các loại cây trồng và vật nuôi chủ lực. Hình thành vùng sản xuất lúa tập trung, chất lượng cao tại vùng Đồng Tháp Mười; vùng chuyên canh sản xuất rau an toàn, hữu cơ tại các vùng ven đô; vùng chăn nuôi tập trung tại các khu vực có lợi thế về đất đai, mật độ chăn nuôi thấp, có nhiều vùng chuyên canh cây trồng cận; ổn định diện tích các loại cây công nghiệp tập trung.

g) Xác định khu quân sự, an ninh:

Bố trí các khu vực quốc phòng, an ninh bảo đảm nguyên tắc giữ vững thế trận phòng thủ, bảo vệ được các địa hình, các công trình phòng thủ có giá trị, sẵn sàng triển khai lực lượng khi có tình huống tác chiến, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng phương án sử dụng các công trình có tính lưỡng dụng cao.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, đa phương thức. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường kết nối với các trục động lực, hành lang kinh tế, đảm bảo giao thông thông suốt toàn tỉnh, tuyến liên tỉnh, liên vùng.

a) Về đường bộ:

Hệ thống đường cao tốc, quốc lộ thực hiện theo quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt. Đoạn tuyến đi qua khu đô thị được cụ thể hóa tại quy hoạch đô thị và nông thôn (QL.1 - Cấp III với 4 làn cơ giới + 2 làn hỗn hợp; QL.50 - cấp III tối thiểu với 4 làn xe; QL.62 - Cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.N1 - cấp III tối thiểu 4 làn xe; Tuyến N2 - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.14C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.30B - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.30C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.22 - cấp I, II từ 4-6 làn xe; QL.22B - cấp II, III tối thiểu 4 làn xe; QL.22C - cấp III tối thiểu 4 làn xe; QL.56B - cấp III tối thiểu 4 làn xe); nâng cấp QL.50B - cấp III với 6 - 8 làn xe.

Hệ thống đường tỉnh bao gồm 145 tuyến đường (từ ĐT.781 đến ĐT.799 và từ ĐT.816 đến ĐT.840). Giai đoạn 2025–2030 tiến hành cải tạo, nâng cấp và xây mới nhiều tuyến đường do tỉnh quản lý; ưu tiên đầu tư những tuyến động lực tăng cường kết nối các khu vực đô thị, kinh tế trong và ngoài tỉnh như: Đường kết nối Tân Ninh – Long An; ĐT.825B - Trục động lực Đức Hòa, quy mô tối thiểu 8 làn xe; ĐT.838F - Đường bờ Đông sông Vàm Cỏ Đông, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.823E - Đức Hòa - Mỹ An, quy mô tối thiểu 6 làn xe; ĐT.822C - Đường song hành kênh chính, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.838D - Bình Chánh - Lương Hòa – Bình Hòa Bắc - Mỹ Quý Tây, quy mô tối thiểu 4 làn xe; ĐT.817D - Tân An - Bình Hiệp, quy mô tối thiểu 8 làn xe...

Hệ thống bến bãi đường bộ duy trì, cải tạo và nâng cấp hệ thống bến xe hiện hữu và đầu tư xây dựng mới bến xe tại các phường, xã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường xây dựng hệ thống bãi đỗ xe tại các khu vực bệnh viện, công viên, dưới tổ hợp các công trình quy mô lớn....và bố trí các bãi đỗ xe tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Về đường thủy nội địa, cảng thủy nội địa:

Hệ thống đường thủy quốc gia kế thừa các quy hoạch được phê duyệt. Phối hợp với Trung ương tập trung nguồn lực nạo vét, duy tu đảm bảo cấp kỹ thuật đảm bảo an toàn và thuận tiện lưu thông cho các phương tiện đường thủy nội địa.

Hệ thống đường thủy nội địa cấp tỉnh phát triển theo các quy hoạch đã

được phê duyệt; phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên các tuyến có thể khai thác vận tải thủy tận dụng tối đa lợi thế đường thủy trong vận tải hành khách du lịch và hàng hóa; khu vực có tiềm năng được nghiên cứu cụ thể tại quy hoạch chuyên ngành để định hướng phát triển, thu hút đầu tư một cách hiệu quả nhằm phát triển tối đa loại hình dịch vụ vận tải thủy để gia tăng năng lực cạnh tranh tỉnh và vùng, khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

c) Về cảng biển:

Hệ thống cảng biển thực hiện theo quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt. Nâng cấp duy trì các luồng hàng hải kết nối với hệ thống cảng, khu bến đảm bảo hoạt động ổn định và phù hợp với năng lực khai thác. Phát triển tốt hệ thống hạ tầng kết nối cảng đảm bảo khai thác hiệu quả vận tải đa phương thức.

d) Về đường sắt:

Phát triển mạng lưới đường sắt theo điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia đã được cấp thẩm quyền phê duyệt: Bao gồm tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau; Tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài đề xuất phương án kết nối Campuchia tại ga Mộc Bài, nghiên cứu đề xuất tuyến nhánh từ Mộc Bài kết nối với ga Tân Hưng của tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh; Tuyến đường sắt nhẹ Gò Dầu - Tân Ninh; Nghiên cứu tuyến đường sắt chuyên dụng kết nối từ tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ (ga Thạnh Đức) qua cảng Quốc tế Long An ra cảng Hiệp Phước (chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa); Nghiên cứu điều chỉnh một số vị trí ga để thuận tiện kết nối với hai tuyến đường sắt đô thị của tỉnh trong tương lai (Đường sắt đô thị Tân An - Hưng Nhơn và đường sắt Bến xe Cần Giuộc - Cần Đức).

đ) Về cảng hàng không, sân bay:

Nghiên cứu cảng hàng không tiềm năng gần khu vực Núi Bà Đen trên cơ sở đánh giá nhu cầu, điều kiện, khả năng hình thành cảng hàng không và các tác động khác để đầu tư xây dựng khi đủ điều kiện.

e) Về cảng cạn:

Phát triển hệ thống cảng cạn theo các quy hoạch đã phê duyệt. Tại những khu vực có tiềm năng như cửa khẩu, khu công nghiệp hay các đầu mối giao thông lớn tùy điều kiện được nghiên cứu cụ thể tại quy hoạch chuyên ngành để định hướng phát triển, thu hút đầu tư một cách hiệu quả nhằm phát triển tối đa loại hình dịch vụ vận tải đa phương thức góp phần giảm giá thành vận chuyển, giảm chi phí và gia tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh và trong vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII và VIII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới trung, hạ áp theo hướng tập trung cải tạo hoàn chỉnh lưới điện 03 pha. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Hoàn thiện hạ tầng lưới điện truyền tải khu vực biên giới. Cải tạo, xây dựng mới đường dây và trạm biến áp sau các trạm biến áp 110KV thực hiện theo danh mục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ.

Ưu tiên phát triển nguồn điện gồm nhiệt điện và năng lượng tái tạo: Điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà, thủy điện, điện gió, các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn. Chú trọng phát triển các nguồn điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo đấu nối với lưới điện phân phối, góp phần giảm tổn thất điện năng. Từng bước trở thành trung tâm năng lượng sạch cấp vùng, có nguồn điện đa dạng, phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, bưu chính và báo chí đồng bộ, hiện đại, an toàn và thông minh; phát triển hạ tầng số trở thành động lực chính để thực hiện chuyển đổi số toàn diện về kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, đô thị thông minh, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Phân đấu đến năm 2030, kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP và thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển chính quyền số.

Xây dựng hạ tầng viễn thông băng rộng với dung lượng lớn, tốc độ cao và công nghệ hiện đại, tích hợp rộng rãi hạ tầng Internet vạn vật (IoT). Ưu tiên phủ sóng 5G+ đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và các đô thị hướng tới mục tiêu phủ sóng toàn địa bàn tỉnh vào năm 2030. Tích hợp hạ tầng viễn thông với quy hoạch đô thị và nông thôn, hệ thống giao thông và năng lượng.

Nâng cấp hệ thống truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên xã và liên vùng, đặc biệt là các vùng động lực, vùng biên giới. Phân đấu ngầm hóa 100% mạng cáp viễn thông tại các khu đô thị mới, các đường trục chính và các phường được ưu tiên phát triển thành đô thị thông minh.

Phát triển hạ tầng dữ liệu và nền tảng số, hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, phục vụ quản

lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế số, xã hội số. Hợp nhất và thống nhất các nền tảng số để tạo môi trường làm việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp đồng bộ; đảm bảo 100% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành được kết nối, chia sẻ thông suốt. Thiết lập hệ sinh thái dữ liệu mở thông qua Cổng dữ liệu mở và Cổng dữ liệu bản đồ số GIS của tỉnh; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các dịch vụ số mới.

Xây dựng Trung tâm dữ liệu tập trung cho toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu Tier 3, sử dụng công nghệ điện toán đám mây trong hoạt động. Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh. Duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

Phát triển hạ tầng báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, đa nền tảng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động báo chí; nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ và hạ tầng sản xuất nội dung số, bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết cho xã hội.

Phát triển hạ tầng bưu chính hiện đại, tự động hóa, gắn với thương mại điện tử, logistics, kinh tế số; nâng cao năng lực mạng bưu chính công cộng, bảo đảm cung ứng dịch vụ bưu chính nhanh chóng, an toàn, liên thông toàn địa bàn.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu và phù hợp các phương án phân vùng, phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị sản xuất, tăng diện tích tưới chủ động, phương án cấp nước, quy hoạch phòng, chống thiên tai và các quy hoạch thủy lợi có liên quan. Chủ động các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, lũ, triều cường, xâm nhập mặn, suy thoái dòng chảy thượng lưu; kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tập trung hoàn thành dự án tưới - tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 2); xây dựng các hồ chứa nước, gồm: hồ chứa nước Hưng Điền, hồ chứa nước Bầu Biển, hồ chứa nước Bình Hiệp, hồ chứa nước Thạnh An để chủ động nguồn cấp nước; xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ để tạo vùng trữ ngọt, ngăn triều cường, xâm nhập mặn và cải tạo môi trường. Nâng cấp, sửa chữa công trình hư hỏng, xuống cấp đảm bảo năng lực toàn hệ thống. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, sử dụng nguồn nước ngầm khu vực xa nguồn nước.

Nghiên cứu mở rộng vùng tưới chủ động lấy nước từ Hồ Dầu Tiếng cho các vùng thủy lợi phía Bắc, phía Nam và Đông Nam. Mở rộng vùng tưới trên cơ sở sử dụng nguồn nước tiết kiệm được từ thay đổi cơ cấu cây trồng, phương thức tưới, phù hợp với điều tiết nguồn nước từ các quy hoạch cấp trên.

Phát triển hệ thống thủy lợi dọc biên giới nhằm tăng cường khả năng tiêu thoát lũ từ thượng lưu kết hợp cấp nước chủ động qua đó góp phần thúc đẩy phát

triển kinh tế cho các khu vực giáp biên. Đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống đê bao, bờ bao và cống dưới đê cho các khu vực Đồng Tháp Mười.

Phân vùng thủy lợi được phân thành 03 vùng tưới, tiêu gồm: Vùng 1 nằm ở khu vực phía Bắc, được cấp nước tưới chủ yếu từ hệ thống thủy lợi Hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa; Vùng 2 nằm ở phía Tây - Tây Nam và vùng 3 nằm ở phía Đông - Đông Nam, nguồn nước được cung cấp chủ yếu từ hệ thống sông Tiền, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và Vàm Cỏ.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

5. Phương án phát triển hệ thống cấp nước

- Hệ thống cấp nước được phân vùng thành 06 vùng: **Vùng 1** gồm các phường, xã như sau: Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lâm, Cần Đức, Long Hựu, Cần Giuộc, Mỹ Lộc, Phước Lý, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Mỹ Quý, Đông Thành, Đức Huệ, An Ninh, Hiệp Hòa, Hậu Nghĩa, Hòa Khánh, Mỹ Hạnh, Đức Hòa, Đức Lập, Mỹ Yên, Bến Lức, Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hoà. **Vùng 2** gồm các phường, xã như sau: Long An, Tân An, Khánh Hậu, Tân Long, Mỹ Thạnh, Mỹ An, Thủ Thừa, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Tầm Vu, An Lục Long, Thuận Mỹ, Vĩnh Công. **Vùng 3** gồm các phường, xã như sau: Kiến Tường, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hòa, Mộc Hóa, Tân Hưng, Hưng Điền, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Châu, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Tuyên Bình, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Hậu Thạnh, Bình Thành, Thạnh Phước, Tân Tây, Thạnh Hoá. **Vùng 4** bao gồm các xã, phường như sau: Phước Vĩnh, Trà Vong, Tân Phú, Dương Minh Châu, Tân Thành, Tân Hòa, Tân Đông, Tân Hội, Tân Châu, Tân Phú, Thạnh Bình, Tân Biên, Tân Lập, Tân Đông. **Vùng 5** bao gồm các xã, phường như sau: Hảo Đức, Hòa Hội, Ninh Điền, Châu Thành, Thanh Điền, Tân Ninh, Bình Minh, Long Hoa, Ninh Thạnh, Cầu Khởi. **Vùng 6** bao gồm các xã, phường như sau: Long Chữ, Long Thuận, Bến Cầu, Thạnh Đức, Phước Chỉ, Gò Dầu, Trảng Bàng, An Tịnh, Hưng Thuận, Gia Lộc, Truong Mít, Lộc Ninh.

- Ưu tiên khai thác nước từ nguồn nước mặt sông Vàm Cỏ Đông; sông Vàm Cỏ Tây; sông Tiền, hệ thống thủy lợi Phước Hòa, kênh chính Đức Hòa, kênh N3, sông Bảo Định, rạch Chanh, nhất là nước mặt từ Hồ Dầu Tiếng, nước Kênh Đông, nước mặt hồ, các hầm đất chứa nước đã kết thúc khai thác đất, và các nguồn nước khác,...; giảm dần khai thác phụ thuộc vào nước ngầm; từng bước chuyển sang cấp nước mặt. Ở các khu vực khó khăn về nguồn nước, khai thác nước mặt kết hợp với nước ngầm. Việc lựa chọn nguồn nước cho các nhà máy xây mới sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau.

- Mạng lưới cấp nước sinh hoạt: Xây dựng mới nhà máy cấp nước, nâng cấp công suất các nhà máy hiện hữu đảm bảo cấp nước theo phân vùng; tiếp tục xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển mạng lưới đường ống kết nối, xây dựng

hồ chứa đảm bảo định hướng phát triển các nhà máy, đáp ứng nhu cầu cấp nước; xây dựng các tuyến ống truyền tải cấp nước liên tỉnh, cấp nước vùng liên tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Nâng cấp, đầu tư hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo đồng bộ; tập trung các khu đô thị, khu vực ngập úng cục bộ, đảm bảo ứng phó với sụt lún đất và biến đổi khí hậu; ưu tiên đầu tư các hệ thống xử lý tập trung có quy mô lớn kết hợp mô hình xử lý phân tán phù hợp điều kiện từng khu vực đô thị, nông thôn, nhất là các khu dân cư xả trực tiếp ra các tuyến sông, kênh quan trọng. Tập trung hệ thống sông rạch hiện hữu kết hợp cải tạo hệ thống cống, mương, hồ điều hòa để chống ngập, cải thiện cảnh quan, tích trữ nước mưa phục vụ mùa khô.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được phát triển theo hướng tập trung, đảm bảo các khu, cụm công nghiệp có hệ thống thu gom nước thải, nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường. Đối với các cơ sở y tế, nước thải phải được thu gom, xử lý bằng bể xử lý cục bộ trong các công trình theo quy định hiện hành trước khi xả ra hệ thống thu gom chung.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải:

Từng bước đóng cửa, cải tạo, nâng cấp các bãi rác nhỏ theo lộ trình xây dựng với nhà máy xử lý rác thải hiện đại. Đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

b) Phương án phát triển các khu nghĩa trang:

Phát triển hệ thống nghĩa trang theo hướng tập trung, đạt quy mô khu vực thuộc tỉnh và liên xã; ưu tiên phát triển mới nghĩa trang tập trung theo quy hoạch được duyệt; di dời các nghĩa trang hiện hữu, quy mô nhỏ, ảnh hưởng môi trường, cảnh quan, tại các khu vực sạt lở, khu vực phát triển mới. Khuyến khích phát triển hình thức hỏa táng, cơ sở hỏa táng bố trí gần với nghĩa trang tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Phát triển mạng lưới hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ đảm bảo đáp ứng yêu cầu an toàn cho sản xuất và đời sống. Xây dựng các doanh trại cho các đội phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Phát triển hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp nước chữa cháy, thông tin liên lạc tuân thủ quy hoạch ngành quốc gia, bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo đồng bộ, chuẩn hóa và hiện đại phù hợp với hoạt động mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Khuyến khích xã hội hóa các cơ sở giáo dục, nhất là hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông tư thục.

Phát triển hệ thống trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, gồm: Xây mới 08 trường tại các xã Phước Chỉ, Long Thuận, Mỹ Quý, Bến Cầu, Tân Đông, Ninh Điền, Hưng Điền, Long Chữ; cải tạo 01 trường tại xã Tuyên Bình và nâng cấp 10 trường tại các xã Tân Lập, Khánh Hưng, Đông Thành, Phước Vinh, Bình Hòa, Tân Biên, Hòa Hội, Bình Hiệp, Tân Hòa, Bình Thành. Xây mới 03 trường Trung học phổ thông trên địa bàn các xã Bình Đức, Hòa Khánh và Mỹ Hạnh.

Sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo hướng hợp nhất các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại từng khu vực. Tổ chức lại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Khu vực 1 thành trường Trung học nghề Tân Ninh. Hợp nhất 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên ở khu vực 2, khu vực 3 và khu vực 4 thành trường Trung học nghề Tân Châu; hợp nhất 03 trung tâm ở khu vực 5, khu vực 6 và khu vực 7 thành trường Trung học nghề Trảng Bàng.

Nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh thành Phân hiệu trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; sáp nhập trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh vào trường Cao đẳng nghề Tây Ninh thành trường Cao đẳng Tây Ninh; nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế Long An, các trường cao đẳng còn lại tiếp tục được giữ ổn định, bảo đảm đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo đáp ứng yêu cầu về nhân lực của tỉnh. Giữ nguyên Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An và Trường Đại học Tân Tạo; xây mới trường Đại học Tâm Anh (xã Bến Lức); giữ nguyên Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu Long An. Khuyến khích các cơ sở đào tạo lớn từ Thành phố Hồ Chí Minh mở phân hiệu, kết hợp phát triển trung tâm giáo dục, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; khuyến khích các trường đại học thiết lập các vệ tinh tại các đô thị liên kề Thành phố Hồ Chí Minh, gồm Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc.

Sáp nhập trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh và trung tâm Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Tây Ninh thành trường Giáo dục chuyên biệt Tây Ninh. Tiếp tục củng cố mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng tại tất cả các đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm cơ hội học tập suốt đời cho người dân.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

2. Phương án phát triển hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Phát triển hạ tầng y tế theo hướng đồng bộ, công bằng và bền vững; ưu tiên đầu tư củng cố, nâng cấp y tế cơ sở, đặc biệt tại tuyến xã, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa; hoàn thiện mạng lưới bệnh viện, trung tâm y tế theo phân tuyến hợp lý, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, bảo đảm đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng và hiện đại hóa trang thiết bị tại các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và bệnh viện đa khoa khu vực tuyến tỉnh: Bệnh viện đa khoa Long An; Bệnh viện Y dược cổ truyền Tây Ninh; Bệnh viện Phổi Long An; Bệnh viện Phổi Tây Ninh; Bệnh viện Phục hồi chức năng Tây Ninh; Bệnh viện Tâm thần Tây Ninh; Bệnh viện đa khoa khu vực Cần Giuộc; Bệnh viện đa khoa khu vực Kiến Tường; Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa.

Nâng cấp chuyên khoa: Nâng cấp Bệnh viện Phục hồi chức năng Tây Ninh thành Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng tại phường Tân Ninh.

Điều chỉnh vị trí Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi về vị trí mới tại xã Hậu Nghĩa. Quy hoạch 01 Khu phức hợp về y tế do Bộ Y tế quản lý, có quy mô 100 ha trên địa bàn giáp ranh với Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng mới: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Long An, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện Tai mũi họng - Răng hàm mặt, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y, Trung tâm chẩn đoán y khoa. Đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, Trung tâm Công tác xã hội tỉnh.

Đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng 21 Trung tâm Y tế khu vực đa chức năng (có giường bệnh) tại Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Đức Huệ, Thạnh Hóa, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Tân Trụ, Tầm Vu, Đức Hòa, Tân Thạnh, Cần Đức, Châu Thành, Tân Ninh, Trảng Bàng, Bến Cầu, Gò Dầu, Hòa Thành, Tân Biên, Tân Châu và Dương Minh Châu.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

Rà soát, sắp xếp và kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo hướng tinh gọn, đa ngành và hiện đại. Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; lấy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm trọng tâm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển sản phẩm, mô hình

kinh doanh mới. Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh tại khu vực Trung tâm chính trị - hành chính tỉnh; đóng vai trò hạt nhân điều phối hệ sinh thái khoa học và công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; là đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng các công nghệ tiên phong và các giải pháp nền tảng số. Tổ chức lại Trung tâm Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo tại phường Long An. Đầu tư, nâng cấp Trạm Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ vùng Đồng Tháp Mười. Triển khai thực hiện dự án Khu Nghiên cứu và Đào tạo tỉnh Tây Ninh giai đoạn sau năm 2030 để hoàn thiện hạ tầng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

4. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao các cấp; tổ chức, sắp xếp hệ thống trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa - thể thao theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Xây dựng Bảo tàng - Thư viện tỉnh, Trung tâm Văn hoá - Thể thao Đồng Tháp Mười; xây mới Trung tâm Văn hoá tỉnh. Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại khu vực Trung tâm chính trị - hành chính của tỉnh.

Đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các công trình thể dục, thể thao hiện có. Xây dựng khu Liên hợp thể thao của tỉnh. Xây dựng nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao và Trường Thể dục thể thao tại Cơ sở 2 (xã Châu Thành). Phát triển sân golf đáp ứng nhu cầu đa dạng hoá hình thức vui chơi, giải trí, gắn với các khu vực phát triển du lịch, kết nối thuận tiện với các đô thị lớn, bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất nguồn lực đất đai.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Tiếp tục duy trì và phát triển 02 Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh. Hình thành các trung tâm an sinh xã hội chuyên sâu tại những khu vực có mật độ dân số cao, khu vực biên giới có tỷ lệ đối tượng người yếu thế lớn, đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ an sinh của người dân. Bổ sung Khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại xã Vĩnh Hưng; đưa ra khỏi quy hoạch cơ sở Mái ấm Tâm Đức (xã Đức Hòa) và Cơ sở trợ giúp xã hội Bàu Sen (xã Hậu Nghĩa) đã được phê duyệt tại Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

a) Hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị:

Phát triển hệ thống thương mại kết nối chặt chẽ với các trung tâm logistics, khu công nghiệp, khu kinh tế, cửa khẩu quốc tế của tỉnh và vùng, hình thành

chuỗi cung ứng hiện đại, đồng bộ và hiệu quả; tập trung xây dựng các tổ hợp trung tâm thương mại - dịch vụ - giải trí tại Tân An, Tân Ninh, Long Hoa, Đức Hòa, Bến Lức và Trảng Bàng, Gò Dầu và một số địa phương khác nếu có nhu cầu.

Xây dựng đồng bộ mạng lưới chợ ổn định về số lượng, nâng cao chất lượng hạ tầng, bảo đảm an toàn, văn minh, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường; đồng thời nâng cấp một số chợ trung tâm tại các phường đô thị loại II, III làm đầu mối thu gom và phân phối hàng hóa cho khu vực lân cận. Các chợ nông thôn được đầu tư xây dựng mới; nâng cấp, cải tạo sửa chữa tập trung, củng cố theo hướng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và hiện đại hóa các trung tâm thương mại, siêu thị gắn với phát triển các khu thương mại tập trung, gắn với du lịch mua sắm và đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng vui chơi, giải trí. Giữ nguyên định hướng bố trí 03 chợ đầu mối tại phường Ninh Thạnh, phường Gò Dầu, phường Long Hoa; bổ sung 02 chợ đầu mối tại phường Long An, An Tịnh.

Thu hút và phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tại các xã khu vực biên giới và dọc theo tuyến đường Núi Bà Đen về Thành phố Hồ Chí Minh (ĐT 784, ĐT 782, Quốc lộ 22...).

Đưa ra khỏi quy hoạch Trung tâm hội chợ triển lãm cấp tỉnh tại tỉnh Long An và tỉnh Tây Ninh đã được phê duyệt tại Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 và Quyết định 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023. Xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm mới tại khu vực Trung tâm chính trị - hành chính mới của tỉnh.

b) Trung tâm logistics:

Phấn đấu đến năm 2030, hình thành mạng lưới logistics, gồm các trung tâm, khu, điểm logistics trên toàn tỉnh, bao phủ các khu vực động lực kinh tế.

Phát triển các trung tâm logistics cấp tỉnh, cấp vùng; ưu tiên thu hút phát triển các trung tâm logistics xanh, hiện đại tại các khu vực đô thị phù hợp; hình thành các điểm logistics vệ tinh tại các khu vực có KCN như Trảng Bàng, Đức Hòa, Phước Đông, Hiệp Thạnh để hỗ trợ vận tải, kho bãi, logistics nội vùng; nghiên cứu hình thành trung tâm logistics tại các khu vực tiềm năng khác ở khu vực biên giới.

c) Hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt:

Phát huy hiệu quả 05 kho xăng dầu đang hiện hữu, gồm: Kho xăng dầu Long Hưng Việt Nam, Kho xăng dầu Tây Ninh, Kho Bến Lức, Kho xăng dầu Tân Tập, Kho xăng dầu của Công ty TNHH Dương Đông - Tây Ninh. Phát triển mới các kho xăng dầu quy mô dưới 5.000 m³ đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường và đảm bảo an toàn theo quy định.

Khí đốt: Phát huy hiệu quả hoạt động của các kho LPG hiện có trên địa bàn

tỉnh. Phát triển các trạm cấp LPG trong các khu, cụm công nghiệp nơi doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu và các vị trí đảm bảo an toàn theo quy định.

Cải tạo, nâng cấp hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhằm đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn mới trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, gắn với trạm sạc điện theo nhu cầu thị trường và yêu cầu sử dụng năng lượng xanh, bảo vệ môi trường.

d) Kho dự trữ:

Quy hoạch 01 điểm kho dự trữ tại xã Cần Giuộc đáp ứng được việc cứu trợ, cứu nạn kịp thời cho các khu vực, đáp ứng yêu cầu tham gia bình ổn thị trường, phù hợp quy hoạch ngành Quốc gia và quy định hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung tại các đô thị; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (Hồ Dầu Tiếng, sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và các kênh chính); các khu bảo tồn thiên nhiên (Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát; Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen; Khu bảo tồn đa dạng sinh học - cây dược liệu Đồng Tháp Mười; Vườn thú Mỹ Quỳnh); các khu bảo vệ cảnh quan (Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen; Căn cứ Đồng Rùm; Căn cứ huyện ủy Châu Thành) và khu vực bảo vệ của các khu di tích lịch sử - văn hóa (cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh).

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (Hồ Dầu Tiếng; hệ thống sông Vàm Cỏ Đông -

Vàm Cỏ Tây; kênh N2 - N3 - Rạch Chanh và các tuyến cấp nước đô thị); khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vui chơi giải trí dưới nước theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng; nâng cao hiệu quả bảo tồn các loài hoang dã, đặc biệt các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; duy trì bảo tồn và phát triển nguồn gen; sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái; xem xét đưa diện tích các khu rừng tự nhiên, đất ngập nước vào khai thác và bảo tồn các cấp độ khác nhau.

Tổ chức quản lý, vận hành hiệu quả Vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu dự trữ thiên nhiên và các khu di tích lịch sử; quản lý, sử dụng hiệu quả Hồ Dầu Tiếng.

Xây dựng các chương trình, đề án phòng, chống suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tiếp tục bảo tồn, gìn giữ, phục hồi các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên; nâng cao độ che phủ rừng, ngăn chặn suy giảm chất lượng rừng; bảo vệ các giống loài, nguồn gen và bảo đảm an toàn sinh học; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

c) Phương án quan trắc môi trường:

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; tiếp tục triển khai các chương trình quan trắc chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước; xây dựng mới các chương trình quan trắc, điều tra cơ bản về môi trường và đa dạng sinh học; từng bước hoàn thiện, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc.

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có 124 điểm quan trắc môi trường nước mặt, 132 điểm quan trắc môi trường không khí, 87 điểm quan trắc môi trường nước dưới đất, 49 điểm quan trắc môi trường đất, 24 điểm quan trắc môi trường thủy sinh và 36 điểm quan trắc môi trường trầm tích.

d) Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và kết cấu hạ tầng lâm nghiệp:

Bảo vệ và duy trì ổn định diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; tiếp tục rà soát, tiến hành trồng rừng trên các diện tích quy hoạch trồng rừng, thực

hiện khoanh nuôi tái sinh trên các diện tích có cây tái sinh; tập trung bảo vệ diện tích rừng phòng hộ. Phát triển hệ thống rừng và vườn cây phòng hộ môi trường, cảnh quan đô thị, khu công nghiệp và khu du lịch. Áp dụng giải pháp lâm sinh phù hợp, bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; tại nơi chưa có rừng, ưu tiên khoanh nuôi phục hồi rừng, chỉ trồng rừng trên diện tích không thể phục hồi tự nhiên.

Phát triển và duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường lâm nghiệp thường xuyên theo quy định nhằm bảo đảm hiệu quả chức năng của đường lâm nghiệp; đồng thời phát huy vai trò kết hợp giữa đường lâm nghiệp và đường tuần tra, bảo vệ rừng.

2. Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn:

- Vùng lũ và ngập lụt: vùng Đồng Tháp Mười, hạ lưu sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây chịu ảnh hưởng của lũ thượng nguồn Mê Kông, lũ tràn qua biên giới Campuchia và triều biển Đông; vùng phía Bắc và thượng lưu Hồ Dầu Tiếng, vùng hạ lưu rạch Tây Ninh và hạ lưu Hồ Dầu Tiếng chịu ảnh hưởng kết hợp từ lũ sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây, triều và vận hành Hồ Dầu Tiếng.

- Vùng sạt lở bờ sông: bờ sông Vàm Cỏ Tây, khu vực phường Khánh Hậu, Long An, xã Thạnh Phước, xã Tuyên Bình, xã Mỹ Thạnh; bờ sông Cần Giuộc, khu vực xã Cần Giuộc; bờ Kênh nước Mặn, khu vực xã Tân Lâm; bờ sông Cần Đước, khu vực xã Cần Đước, xã Tân Lâm; bờ sông Kênh Hàn, khu vực xã Tân Tập; bờ sông Kênh Hàn, khu vực xã Cần Giuộc; bờ kênh Dương Văn Dương khu vực xã Thạnh Hóa, Thủy Tây, Tân Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Hậu Thạnh; bờ sông Tra, xã Thuận Mỹ; bờ sông Sài Gòn, khu vực xã Lộc Ninh và xã Hưng Thuận; bờ sông Vàm Cỏ Đông, khu vực xã Bến Cầu.

- Vùng dông, lốc, sét và mưa lớn: khu vực phường Kiến Tường, phường Bình Minh và các xã Hưng Điền, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng, Vĩnh Châu, Tuyên Bình, Vĩnh Hưng, Khánh Hưng, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Mộc Hóa, Hậu Thạnh, Nhơn Hòa Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long, Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Tân Đông, Tân Hội, Phước Chỉ, Cầu Khởi, Châu Thành.

- Vùng hạn hán, xâm nhập mặn: khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn là các xã Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lâm, Cần Đước, Long Hựu, Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Tập, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Hưng Thuận, Phước Chỉ và phường Gia Lộc; khu vực hạn hán cục bộ tập trung tại xã Truong Mít, Lộc Ninh, Cầu Khởi, Dương Minh Châu, Tân Đông, Tân Châu, Tân Phú, Tân Hội, Tân Thành, Tân Hòa, Tân Lập, Tân Biên, Thạnh Bình, Trà Vong, Phước Vinh, Hoà Hội, Ninh Điền, Châu Thành, Hảo Đước.

- Vùng cháy rừng: nguy cơ cháy rừng tập trung chủ yếu tại các khu rừng tràm và đồng cỏ ngập nước thuộc vùng Đồng Tháp Mười, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng vùng Núi Bà Đen và Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao năng lực tiêu thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với điều kiện khí hậu biến đổi trên toàn tỉnh. Nâng cao năng lực dự báo - cảnh báo, đánh giá nguy cơ thiên tai kịp thời; củng cố năng lực ứng phó của hệ thống chính quyền các cấp; triển khai hiệu quả các giải pháp công trình và phi công trình nhằm phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trước các loại hình thiên tai chủ yếu như lũ - ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán - xâm nhập mặn, đông lạnh và cháy rừng. Đồng thời, thực hiện di dời - tái định cư đối với khu vực có nguy cơ cao, xây dựng lực lượng phòng chống thiên tai chuyên nghiệp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và tăng cường phối hợp liên ngành phục vụ công tác phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

1. Về bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Bảo vệ, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ nhu cầu hiện tại, có tính đến sự phát triển khoa học công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai. Sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, không làm ảnh hưởng tới cảnh quan trong các dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

- Thăm dò, khai thác và chế biến đối với các loại khoáng sản, đất san lấp; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên theo Đề án, kế hoạch khai thác khoáng sản làm cơ sở cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn một cách hợp lý, bảo đảm quá trình thăm dò, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ thiết thực nhu cầu, dự báo phát triển; rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực thăm dò, khai thác, chế biến điểm mỏ khoáng sản theo hướng tập trung, quy mô lớn, đảm bảo nhu cầu sử dụng cung ứng vật liệu xây dựng của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

2. Khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đất quốc phòng, đất an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng; phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi, đê điều và hệ thống cấp, thoát nước, các công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, năng lượng và hệ thống xử lý chất thải; phạm vi các công trình giao thông.

Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, gồm: khu vực có yêu cầu về quốc phòng, an ninh; khu vực phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét.

XI. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

1. Phân vùng chức năng nguồn nước mặt

- Vùng I gồm 10 phường (Tân Ninh, Bình Minh, Ninh Thạnh, Long Hoa, Hoà Thành, Thanh Điền, Trảng Bàng, An Tịnh, Gò Dầu, Gia Lộc) và 36 xã (Phước Chỉ, Hưng Thuận, Thanh Đức, Phước Thạnh, Truong Mít, Lộc Ninh, Cầu Khởi, Dương Minh Châu, Tân Đông, Tân Châu, Tân Phú, Tân Hội, Tân Thành, Tân Hoà, Tân Lập, Tân Biên, Thanh Bình, Trà Vong, Phước Vinh, Hoà Hội, Ninh Điền, Châu Thành, Hảo Đức, Long Chữ, Long Thuận, Bến Cầu, Mỹ Quý, An Ninh, Đông Thành, Hiệp Hoà, Hậu Nghĩa, Đức Lập, Mỹ Hạnh, Hoà Khánh, Đức Hoà, Đức Huệ): là phân vùng chức năng nguồn nước gắn với Hồ Dầu Tiếng, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông; sử dụng tổng hợp nguồn nước từ các sông, hồ, nước mưa và nước dưới đất.

- Vùng II gồm phường Kiến Tường và 19 xã (Hưng Điền, Khánh Hưng, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Vĩnh Châu, Tuyên Bình, Tuyên Thạnh, Bình Hiệp, Bình Hoà, Mộc Hoá, Hậu Thạnh, Nhơn Hoà Lập, Nhơn Ninh, Tân Thạnh, Bình Thành, Thạnh Phước, Thạnh Hoá, Tân Tây): là phân vùng chức năng nguồn nước dựa trên hệ thống sông Tiền, sông Vàm Cỏ Tây; sử dụng nguồn nước từ sông Tiền, Vàm Cỏ Tây, nước mưa, nước ngầm và được bổ sung từ Hồ Dầu Tiếng.

- Vùng III gồm 03 phường (Long An, Tân An, Khánh Hậu) và 27 xã (Thủ Thừa, Mỹ An, Mỹ Thạnh, Tân Long, Thạnh Lợi, Bình Đức, Lương Hoà, Bến Lức, Mỹ Yên, Long Cang, Rạch Kiến, Mỹ Lệ, Tân Lâm, Cần Đức, Long Hựu, Phước Lý, Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Phước Vĩnh Tây, Tân Lập, Vàm Cỏ, Tân Trụ, Nhựt Tảo, Thuận Mỹ, An Lục Long, Tầm Vu, Vĩnh Công): là phân vùng chức năng nguồn nước dựa trên hệ thống sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ và sông Soài Rạp; sử dụng nguồn nước từ các sông, nước mưa, nước ngầm và được bổ sung từ Hồ Dầu Tiếng.

2. Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước theo thứ tự: Sinh hoạt; công nghiệp; du lịch, dịch vụ; nông nghiệp; thủy sản. Trong điều kiện bình thường nguồn nước đủ đáp ứng việc phân bổ đảm bảo 100% nhu cầu; ưu tiên cấp nước sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Khi hạn hán, thiếu nước, tỷ lệ phân bổ đối tượng khai thác, sử dụng

nước: Sinh hoạt 100%, công nghiệp 90%, du lịch - dịch vụ 85%, nông nghiệp 80%, thủy sản 75%.

3. Nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt sử dụng nguồn nước ngầm (giếng khoan) bơm đưa vào hệ thống xử lý sau đó phân phối đến các hộ gia đình. Tại những nơi có nguồn nước ngọt từ sông, kênh chính đưa về, xây dựng các hồ chứa, trạm lấy nước mặt, đưa lên bể xử lý, sau đó phân phối cho các khu dân cư.

4. Bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt: Theo thuyết minh.

5. Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra: Theo thuyết minh.

XII. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư

Tập trung vốn đầu tư công cho các nhóm công trình trọng điểm: hạ tầng giao thông kết nối (đường kết nối đến các hành lang, đường vành đai, các trục động lực, tuyến ven sông...); hạ tầng cửa khẩu - logistics - cảng biển; hạ tầng thủy lợi - chống ngập - ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, hạ tầng truyền tải điện, cấp và thoát nước, hệ thống hạ tầng xã hội. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan nhằm bảo đảm các dự án này được triển khai đúng tiến độ, chất lượng phục vụ phát triển.

Huy động mạnh mẽ vốn ngoài ngân sách; ưu tiên phát triển cao tốc, trung tâm logistics, khu công nghiệp, khu kinh tế; ưu tiên thu hút các tập đoàn đầu tư dài hạn, nhà đầu tư chiến lược về logistics, năng lượng tái tạo, du lịch và khu công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu phát hành trái phiếu xanh và trái phiếu đô thị để đầu tư hạ tầng đô thị - môi trường - năng lượng sạch.

Thu hút các nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực mạnh về tài chính và khoa học công nghệ đầu tư các ngành, lĩnh vực quan trọng, ưu tiên; đảm bảo cơ chế một cửa hoạt động hiệu quả trong tiếp nhận, thẩm định và giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực công nghệ cao. Tạo môi trường thuận lợi, cạnh tranh để các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận và đầu tư trên địa bàn tỉnh; đối thoại kịp thời với các doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo các ngành chủ lực trong giai đoạn tới như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng, công nghệ thông tin, dịch vụ (đặc biệt là du lịch, logistics), nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Thu hút các cơ sở đào tạo cấp

học sau đại học và đào tạo nghề đầu tư vào tỉnh; ban hành các chính sách khuyến khích và thu hút các đơn vị trong ngành giáo dục, chuyên đào tạo các lĩnh vực liên quan mật thiết tới nhu cầu nhân lực. Tăng cường hiệu quả phân luồng lao động sau trung học, phù hợp với các mũi nhọn kinh tế đã xác định trong giai đoạn quy hoạch. Tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển Trường Đại học kinh tế Công nghiệp Long An trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao hàng đầu đối với một số lĩnh vực quan trọng của vùng Đông Nam Bộ; đẩy nhanh xây mới Trường Đại học Tâm Anh tại xã Bến Lức; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh đáp ứng các yêu cầu xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ và quản trị hiện đại. Khuyến khích những người cao tuổi còn sức khỏe, có kinh nghiệm tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Tập trung thúc đẩy xây dựng chính quyền số gắn với cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá và ra quyết định dựa trên dữ liệu, từng bước hình thành mô hình quản trị thông minh, minh bạch và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số, trong đó ưu tiên xây dựng, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, tập trung kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Ưu tiên thúc đẩy đổi mới sáng tạo các lĩnh vực trụ cột, có vai trò động lực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, logistics, phát triển đô thị thông minh, bảo vệ môi trường. Ưu tiên ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hạ tầng khoa học - công nghệ; huy động nguồn lực xã hội thông qua hợp tác công - tư; phát triển các quỹ đổi mới sáng tạo; tăng cường hợp tác quốc tế lĩnh vực khoa học - công nghệ, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh truyền thông khoa học - công nghệ, nâng cao nhận thức xã hội về phát triển khoa học - công nghệ trong phát triển bền vững.

4. Giải pháp về môi trường

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung quy định, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường bảo đảm đồng bộ, khả thi và chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt. Chú trọng các nội dung về bảo vệ môi trường ngay từ khâu ban hành chính sách, xúc tiến đầu tư và lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương, vào các phong trào, cuộc vận động xã hội; thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, đầu tư; thực hiện nghiêm việc hoàn thiện các thủ tục môi trường trước khi xem xét cấp các giấy phép về đầu tư, xây dựng cho các doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Đẩy mạnh hợp tác cùng với các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị và dịch vụ, vùng động lực, cụm liên kết phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là ngành công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng cường hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, tập trung ưu tiên hợp tác về đầu nối các tuyến giao thông trọng điểm của quốc gia và của vùng, phát triển dịch vụ logistics, thương mại biên giới, chế biến nông sản, xử lý rác thải và năng lượng; tích cực phối hợp đồng bộ các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, tạo mối liên kết vùng, hỗ trợ công tác chế biến, xuất khẩu nông sản. Chú trọng thực hiện hợp tác kết nối trong tiểu vùng Đồng Tháp Mười, ưu tiên nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất, cung ứng dịch vụ và phát triển thương hiệu nông sản đặc trưng của tiểu vùng.

Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ hợp tác với các địa phương lân cận của Campuchia nhằm thúc đẩy giao thương, du lịch, giao lưu văn hóa, đảm bảo an ninh quốc phòng ổn định tại khu vực biên giới, phát triển bền vững tình hữu nghị giữa hai quốc gia.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát sự gia tăng dân số đô thị. Quản lý, giám sát chặt chẽ, bảo đảm việc xây dựng đồng bộ phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận.

7. Giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch

Xây dựng các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, phân công nhiệm vụ rõ ràng và thiết lập mốc thời gian cụ thể, kết hợp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong theo dõi và đánh giá quy hoạch. Các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch có trách nhiệm tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, ngành; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực hiện quy hoạch.

XIII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXIII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch chi tiết ngành theo quy định pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tổ chức công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh Tây Ninh sau điều chỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện, rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh, trường hợp có nội dung mâu thuẫn với quy hoạch cấp cao hơn, thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và các xã, phường phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh sau điều chỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ, ngành Trung ương (báo cáo);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hân